TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS-ST
Ngày 21-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Sĩ Thạo

Ông Dương Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2017/TLST-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K, địa chỉ số 40-42-44 T, phường V, thành phố R, tỉnh G, người đại diện theo pháp luật ông Võ Văn C, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thành L sinh năm 1978, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch D, theo văn bản ủy quyền số 70/UQ-CNTV ngày 23-11-2017 (Có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Văn I sinh năm 1970 (Vắng mặt).
Bà Nguyễn Thị N sinh năm 1970 (Vắng mặt).
Cùng địa chỉ: ấp ĐA, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Chị Trần Thị Hồng D sinh năm 1994 (Vắng mặt).
Anh Trần Văn Ssinh năm 1997 (Vắng mặt).
Cùng địa chỉ: ấp ĐA, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23-11-2017 và tại phiên tòa ông Nguyễn Thành L đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Văn I và bà Nguyễn Thị N có ký hợp đồng tín dụng số TD2173/HĐTD ngày 09-01-2013 để vay tiền tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K (Sau đây viết tắt là Ngân hàng K) với số tiền vay 50.000.000 đồng, mục đích vay khai thác thủy sản, thời hạn vay 13 tháng, lãi suất trong hạn là 1,55%/tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn, hình thức thanh toán gốc và lãi trả cuối kỳ vào ngày 09-02-2014. Tài sản đảm bảo nợ vay là đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 78,6m^2, thửa số 353 và diện tích 154,1m^2, thửa số 142, cùng tờ bản đồ số 11, cùng tọa lạc ấp ĐA, xã Đ, huyện D, tỉnh T do ông I, bà N đứng tên quyền sử dụng, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC2173/HĐTC ngày 09-01-2013.

Đến hạn trả nợ ông I, bà N không thanh toán tiền lãi cũng không trả tiền vốn nên Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn I và bà Nguyễn Thị N phải trả số tiền vốn gốc 50.000.000 đồng, lãi trong hạn là 7.390.833 đồng, lãi quá hạn là 61.075.000 đồng, tổng cộng 118.465.833 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 22-11-2018 cho đến ngày trả hết nợ. Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm diện tích 78,6m^2, thửa số 353 và diện tích 154,1m^2, thửa số 142, cùng tờ bản đồ số 11, cùng tọa lạc ấp ĐA, xã Đ, huyện Du, tỉnh T để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông I, bà N trả tiền phạt chậm trả lãi 12.897.004 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24-8-2018 ông Trần Văn I và bà Nguyễn Thị N khai: Ngày 09-01-2013 ông Trần Văn I và bà Nguyễn Thị N có ký hợp đồng tín dụng số TD2173/HĐTD vay tiền tại Ngân hàng K với số tiền vay 50.000.000 đồng, mục đích vay khai thác thủy sản, thời hạn vay 13 tháng, lãi suất trong hạn là 1,55%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay, hình thức thanh toán gốc và lãi trả cuối kỳ vào ngày 09-02-2014. Tài sản đảm bảo nợ vay là đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 78,6m^2, thửa số 353 và diện tích 154,1m^2, thửa số 142, cùng tờ bản đồ số 11, cùng tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh T. Sau khi vay vốn có đóng lãi đến ngày 08-4-2013 thì làm ăn khó khăn đến nay chưa đóng lãi và trả vốn, ông, bà đồng ý trả cho Ngân hàng K số tiền vốn gốc 50.000.000 đồng, lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết. Nếu không thanh toán đủ số tiền còn nợ thì đồng ý giao tài sản thế chấp để cơ quan có thẩm quyền xử lý để thanh toán nợ cho Ngân hàng K.

Chị Trần Thị Hồng D và anh Trần Văn S vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, về tố tụng vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng. Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên

đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn I, bà Nguyễn Thị N trả cho Ngân hàng K số tiền vốn gốc 50.000.000 đồng, lãi trong hạn 7.390.833 đồng, lãi quá hạn 61.075.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ; đề nghị chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với phần đất thửa số 353 và thửa số 142, cùng tờ bản đồ số 11, cùng tọa lạc ấp ĐA, xã Đ, huyện D, tỉnh T để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ nếu trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ; đề nghị đình chỉ yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi 12.897.004 đồng; đề nghị buộc ông I, bà N phải chịu chi phí thẩm định và án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn I, bà Nguyễn Thị N trả tiền còn nợ và xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã ký kết đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông I, bà N có nơi cư trú tại huyện D, tỉnh T nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn I, bà Nguyễn Thị N, chị Trần Thị Hồng D, anh Trần Văn S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về áp dụng pháp luật nội dung: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng K với ông I, bà N được ký kết vào năm 2013, đây là giao dịch dân sự xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cùng thời điểm để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu của Ngân hàng K về yêu cầu ông Trần Văn I, bà Nguyễn Thị N trả tiền nợ gốc 50.000.000 đồng, thấy rằng tại hợp đồng tín dụng số TD2173/HĐTD ngày 09-01-2013 được ký kết giữa ông I, bà N với Ngân hàng K thì ông I, bà N vay của Ngân hàng K số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn vay 13 tháng, hình thức thanh toán gốc và lãi trả cuối kỳ vào ngày 09-02-2014, nhưng ông I, bà N chưa trả số tiền nợ gốc theo hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo điểm c, khoản 2 Điều 9 hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng K yêu cầu ông I, bà N trả tiền nợ gốc này là thực hiện đúng quyền của bên cho vay theo điểm e, khoản 1 Điều 10 của Hợp đồng tín dụng TD2173/HĐTD ngày 09-01-2013 và các Điều 471, 473, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của Ngân hàng K về yêu cầu ông Trần Văn I, bà Nguyễn Thị N trả tiền lãi trong hạn 7.390.833 đồng, lãi quá hạn 61.075.000 đồng, tại hợp đồng tín dụng số TD2173/HĐTD ngày 09-01-2013 Ngân hàng K và ông I, bà N đã thỏa thuận mức lãi suất cho vay 1,55%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn, thấy rằng thỏa thuận lãi suất nêu trên phù hợp với Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng vay ông I, bà N đã đóng lãi từ ngày 09-01-2013 đến ngày 08-4-2013 là 2.324.999 đồng, từ ngày 09-4-2013 đến nay không trả lãi cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng đã ký kết, do đó Ngân hàng K yêu cầu ông I, bà N trả lãi trong hạn từ ngày 09-4-2013 đến ngày 09-02-2014 là 7.390.833 đồng, lãi quá hạn từ ngày 10-02-2014 đến ngày 21-11-2018 là 61.075.000 đồng là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Xét thấy tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông I, bà N trả tiền phạt chậm trả lãi là 12.897.004 đồng, việc rút lại yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi này.

Đối với tiền lãi quá hạn phát sinh do tổ chức tín dụng cho vay, áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi chậm trả, buộc ông I, bà N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng K khoản tiền lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 22-11-2018 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[3]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC 2173/HĐTC ngày 09-01-2013 giữa Ngân hàng K với ông Trần Văn I, bà Nguyễn Thị N thì tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ hợp đồng là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại diện tích 154,1m^2, thửa số 142, do ông I đứng tên và diện tích 78,6m^2, thửa số 353 do hộ bà N, ông I đứng tên, cùng tờ bản đồ số 11, cùng tọa lạc ấp ĐA, xã Đ, huyện D, tỉnh T, được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất huyện D ngày 09-01-2013. Việc thế chấp đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D chứng thực vào ngày 09-01-2013 và có đăng ký thế chấp theo hồ sơ số 29539.011643.TC.VP ngày 09-01-2013 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện D theo đúng quy định pháp luật. Do vậy, việc Ngân hàng K yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ do ông I, bà N không trả được hoặc trả không đầy đủ khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

Ngày 20-6-2018, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các thửa đất số 142, 353, tờ bản đồ số 11 trong hợp đồng thế chấp. Kết quả thẩm định

cho thấy, hiện trạng thửa đất 353, diện tích 78,6 m^2 đúng như trong hợp đồng thế chấp tuy nhiên diện tích đo đạc thực tế thửa 142, diện tích 151,5 m^2, giảm 2,6m^2 do sử dụng sai ranh. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng K yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo diện tích đo đạc thực tế của thửa đất 142, 353 theo sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 50/CV-CNHDH ngày 16-7-2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện D. Trên diện tích 151,5m^2, thửa số 142 và diện tích 78,6m^2, thửa số 353 có tài sản của ông Trần Văn I, bà Nguyễn Thị N gồm: Nhà khung móng bê tông cốt thép, tường xây gạch, trát vữa quét vôi, nền gạch men, mái tol, không trần diện tích 5m x 8,8m = 44m^2; nhà khung gỗ xây dựng, mái tol, vách tol, nền xi măng, có bê tông lót diện tích 7,2m x 5,2m = 37,44m^2; chuồng gà mái tol, vách tol, nền xi măng diện tích 6,6m x 2,2m = 14,52m^2; đal bê tông xi măng diện tích 7,2m x 8,7m x 0,04m = 1,63m^3; nền xi măng có bê tông lót có xây bó diện tích 2,2m x 8,7m = 19,14m^2; 04 cây xoài 05 năm tuổi; 01 cây me 05 năm tuổi. Các tài sản này ông Trần Văn I, bà Nguyễn Thị N và các con ông, bà là chị Trần Thị Hồng D và anh Trần Văn S quản lý, sử dụng nên có nghĩa vụ giao các tài sản thế chấp trên cho cơ quan có thẩm quyền xử lý để thanh toán nợ cho Ngân hàng K.

[4]. Về án phí: Ông Trần Văn I, bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của Ngân hàng K được chấp nhận là 118.465.833 đồng x 5% = 5.923.291 đồng.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Trần Văn I, bà Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 342, Điều 355, Điều 471, Điều 473, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ các khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Buộc ông Trần Văn I, bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng, lãi trong hạn 7.390.833 đồng, lãi quá hạn 61.075.000 đồng, tổng cộng là 118.465.833 (Một trăm mười tám triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba) đồng.

Kể từ ngày 22-11-2018, ông Trần Văn I, bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Buộc ông Trần Văn I, bà Nguyễn Thị N, chị Trần Thị Hồng D, anh Trần Văn S giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất gồm: diện tích đất 151,5m^2, thửa số 142 do ông Trần Văn I đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 849546 do UBND huyện D, tỉnh T cấp ngày 21-3-2008 và diện tích đất 78,6m^2, thửa số 353 do hộ bà Nguyễn Thị S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 129324 do UBND huyện D, tỉnh T cấp ngày 29-12-2009, đã được chuyển nhượng cho hộ bà Nguyễn Thị N, ông Trần Văn I theo hồ sơ biến động số 29539.000353.CN.VP ngày 04-01-2010, thửa số 142 và 353 cùng tờ bản đồ số 11, cùng tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh T cho cơ quan có thẩm quyền xử lý, bán đấu giá để thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K, cụ thể:

Diện tích đất 151,5m^2, thửa số 142 có tứ cận và kích thước như sau:

Phía Đông giáp thửa 143, có kích thước 22,6m;

Phía Tây giáp có chiều dài ba cạnh, cạnh 1 giáp thửa 103, có kích thước 1,2m, cạnh 2 giáp thửa 141, có kích thước 11,5m, cạnh 3 giáp thửa 141, có kích thước 8,9m;

Phía Nam giáp cống thoát nước, có kích thước 7,1m;

Phía Bắc có chiều dài hai cạnh, cạnh 1 giáp thửa 103, có kích thước 4,5m, cạnh 2 giáp thửa 105, có kích thước 5,4m.

Diện tích đất 78,6m^2, thửa số 353 có tứ cận và kích thước như sau:

Phía Đông giáp thửa 105, có kích thước 16,4m;

Phía Tây có chiều dài hai cạnh, cạnh 1 giáp thửa 104, có kích thước 10,2m, cạnh 2 giáp thửa 103, có kích thước 6,2m;

Phía Nam giáp thửa 105, có kích thước 4,8m;

Phía Bắc giáp thửa 53, có kích thước 4,8m.

(Theo Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 50/CV-CNHDH ngày 16-7-2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện D, tỉnh T.).

Tài sản gắn liền trên đất gồm: Nhà khung móng bê tông cốt thép, tường xây gạch, trát vữa quét vôi, nền gạch men, mái tol, không trần diện tích 5m x 8,8m = 44m^2; nhà khung gỗ xây dựng, mái tol, vách tol, nền xi măng, có bê tông lót diện tích 7,2m x 5,2m = 37,44m^2; chuồng gà mái tol, vách tol, nền xi măng diện tích 6,6m x 2,2m = 14,52m^2; đal bê tông xi măng diện tích 7,2m x 8,7m x 0,04m =

1,63m^3; nền xi măng có bê tông lót có xây bó diện tích 2,2m x 8,7m = 19,14m^2; 04 cây xoài 05 năm tuổi; 01 cây me 05 năm tuổi.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K về việc yêu cầu ông Trần Văn I, bà Nguyễn Thị N trả tiền phạt chậm trả lãi 12.897.004 đồng (Mười hai triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn không trăm lẻ bốn) đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn I, bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.923.291 (Năm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn hai trăm chín mươi mốt) đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.900.249 (Hai triệu chín trăm nghìn hai trăm bốn mươi chín) đồng theo biên lai thu số AA/2015/0013075 ngày 01-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Trần Văn I, bà Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.300.000 (Hai triệu ba trăm nghìn) đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần K không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên được trả lại tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp là 2.300.000 (Hai triệu ba trăm nghìn) đồng sau khi ông I, bà N thi hành nghĩa vụ nộp tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Án sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Đằng